

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHỤNG HIỆP  
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số:46/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 12 - 02 - 2018  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Thanh Liêm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thế Tự;
2. Ông Phan Công Điện.

***-Thư ký phiên tòa:*** ông Phan Công Trện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*** ông Phan Tấn Xuân Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 397/2017/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXX-ST, ngày 15 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-HN, ngày 31 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

**1.Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mỹ D**, sinh năm 1992.

**Địa chỉ:** ấp 1, xã T, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

**2.Bị đơn: Trần Văn P**, sinh năm 1979.

**Địa chỉ:** ấp 1, xã T, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

**3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Thị H**, sinh năm 1957 và **Trần Văn N**, sinh năm 1958.

**Cùng địa chỉ:** ấp Long Trường 1, xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ D (sau đây gọi chị D) trình bày: giữa chị và bị đơn Trần Văn P (sau đây gọi anh P) tự tìm hiểu và tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn. Chung sống đến tháng 5 năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh P đi nhậu về hay chửi bêu gia đình chị D. Đồng thời, anh P còn tính toán chi li trong việc chi tiêu gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên sống ly thân từ đó đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: xin ly hôn với anh P.

-Về con chung: có hai người con chung tên Trần Văn Tr (nam), sinh ngày 06.01.2012 và Trần Thanh N (nam), sinh ngày 16.12.2014, các cháu đều phát triển bình thường không bị hạn chế về tinh thần, thể chất. Từ khi ly thân đến nay anh P gửi hai con cho ông bà nội nuôi dưỡng, nay ly hôn chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Đối với cháu Tr, do hiện tại chị D không đủ điều kiện nên đồng ý để anh P tiếp tục nuôi dưỡng.

-Về nợ và tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn P không có mặt nên không có lời trình bày;

Tại biên bản ghi lời khai ngày 20.11.2017, bà Trần Thị H và ông Trần Văn N (là ông, bà nội cháu Tr, cháu N) thống nhất trình bày: vợ chồng P, D sau khi cưới nhau sinh được hai con chung là cháu Tr và cháu Nh, do vợ chồng P D đi làm ăn nên gửi hai cháu cho bà H và ông N nuôi dưỡng từ khi các cháu được 4 tháng tuổi. P biết việc D xin ly hôn nhưng do làm ở Công ty nên xin nghỉ khó khăn. Khi bà H, ông N báo cho P biết và P có nguyện vọng là được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu D cấp dưỡng. Đồng thời, bà H và ông N xin được nuôi dưỡng cả hai cháu Tr và N. Ngoài ra, ông bà không trình bày gì thêm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ly hôn. Về con chung nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của các cháu, đề nghị giao cả hai con chung cho anh P nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn và tranh chấp về quyền nuôi con được qui định tại khoản 1, Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do; ông Nhơn, bà Hồng có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: chị D và anh P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện PH, tỉnh Hậu Giang vào ngày 23 tháng 3 năm 2014, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D, Hội đồng xét xử xét thấy: trong thời gian chung sống giữa chị và anh P có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nhưng vợ chồng không có biện pháp khắc phục và đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 đến nay, tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tạo điều kiện để anh, chị được đoàn tụ nhưng anh P được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt nên không tiến hành hòa giải cho đoàn tụ được, điều này chứng minh rằng anh P cũng không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay, chị D xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh P và cương quyết xin ly hôn. Từ đó thấy rằng hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[5] Về con chung: Đối với ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử xét thấy: hai người con chung, từ khi ly thân đến nay anh P không trực tiếp nuôi mà gửi con chung cho bà Trần Thị H và ông Trần Văn N là ông, bà nội của các cháu nuôi dưỡng. Khi giao cả hai con chung cho anh P nuôi dưỡng thì cũng gây xáo trộn đời sống của các cháu, bởi lẽ, các cháu không trực tiếp sống với anh P.

[6] Xét yêu cầu của chị D xin được nuôi cháu N: chị D và anh P có hai người con chung, khi ly hôn cần xét đến khả năng nuôi dạy các cháu ở điều kiện tốt nhất để các cháu được phát triển lành mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần. Đồng thời, nhằm giảm bớt gánh nặng cho anh P trong việc nuôi dạy các con chung, cần giao mỗi người nuôi một cháu là hợp lý nhất nên yêu cầu nuôi cháu N của chị D có cơ sở được chấp nhận. Chị D không yêu cầu anh P cấp dưỡng và đồng ý để anh P nuôi cháu Tr, sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật,

không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung cho chị D và anh P mà không ai có quyền cản trở.

[7] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét.

[8] Đối với bà Trần Thị H và ông Trần Văn N yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu Tr và N, yêu cầu này không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, các cháu đều còn cha, mẹ. Cha, mẹ các cháu đều có nguyện vọng nuôi dưỡng và đủ điều kiện nuôi dưỡng các cháu.

[9] Về án phí: chị D phải nộp theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227, khoản 1, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Trần Văn P.

**2.** Về nuôi con chung:

2.1. Anh Trần Văn P, ông Trần Văn N và bà Trần Thị H có nghĩa vụ giao cháu Trần Thanh N (nam), sinh ngày 16 tháng 12 năm 2014 cho chị Nguyễn Thị Mỹ D được trực tiếp nuôi dưỡng;

2.2. Anh Trần Văn P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Văn Tr (nam), sinh ngày 06 tháng 01 năm 2012.

2.3. Anh P nuôi dưỡng cháu Tr cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị D nuôi cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi anh P, chị D có yêu cầu khác. Chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục các con chung cho anh P và chị D mà không ai có quyền cản trở.

**3.** Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét

**4.** Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Mỹ D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012969, ngày 03.11.2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THA huyện PH;
- UBND xã Th, h.H, tỉnh Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**  
**Nguyễn Thanh Liêm**